

CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG CII
156 Hoa Lan, P.2, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 360/CIIEC-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2020.

V/v: Giải trình báo cáo tài chính soát xét bán niên
năm 2020

Kính gửi :

- **QUÝ CỔ ĐÔNG**
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

- Đơn vị công bố: **Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**
- Mã chứng khoán: **CEE**
- Trụ sở chính: 156 Hoa Lan, P.2, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.35120632 Fax: 028.35120633
- Đại diện công bố thông tin: **Ông Bùi Xuân Phước**
- Xin Giải trình các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020 của Công ty như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC Riêng				BCTC Hợp nhất			
	Quý 2		Lũy kế		Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	163.929	140.424	246.895	255.344	186.016	198.268	287.738	392.299
LNST	16.274	-13.732	17.562	-3.555	3.435	-18.299	643	-16.950

Giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và chuyển từ lỗ sang lãi: Dự án Trung Lương – Mỹ Thuận được Công ty thi công xuyên suốt trong 6 tháng đầu năm 2020, mang lại nguồn lợi nhuận ổn định cho Công ty. Ngoài ra, trên cơ sở Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, Công ty đã tiến hành hoàn nhập lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp. Hai yếu tố hỗ trợ trên là yếu tố chính giúp Công ty lãi so với cùng kỳ.

Giải trình về việc kết quả hoạt động kinh doanh tại Báo cáo tài chính hợp nhất chênh lệch từ 5% trở lên giữa Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 và Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020: Công ty thực hiện trích lập dự phòng 3.134 triệu đồng, liên quan đến Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG – Công ty con của Công ty.

Công ty cam kết những thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin giải trình đến Quý cơ quan và Quý cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng,

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VT

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



BUI XUÂN PHƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phùng Văn Hiến - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 1088/2020/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 5 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

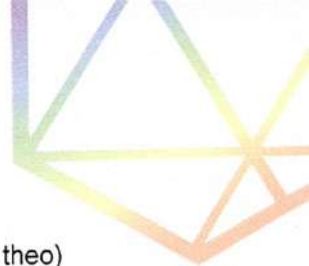
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, với giá trị là 43.488.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng và là nhà cung cấp vật tư cho nhiều khách hàng cũng là nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ thực hiện bù trừ công nợ ba bên giữa Công ty, công ty con và nhà thầu phụ và đảm bảo không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 28 tháng 8 năm 2019. Kiểm toán viên cũng đã lưu ý người đọc đến khả năng thu hồi của khoản phải thu về cho vay đối với Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG như chúng tôi đã đề cập đến trong vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.862.408.640.503	1.681.788.429.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	86.722.004.645	79.499.531.006
1. Tiền	111		86.722.004.645	74.499.531.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	120.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.083.116.572.981	901.836.522.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	92.625.038.066	124.194.243.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	167.418.689.610	103.834.931.291
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	577.386.913.406	454.979.594.156
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	260.770.576.334	232.961.879.355
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(15.084.644.435)	(14.134.125.290)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	656.263.142.459	574.184.669.436
1. Hàng tồn kho	141		656.263.142.459	574.184.669.436
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.306.920.418	6.267.705.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	10.232.325.621	416.906.070
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.882.361.202	5.850.799.829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	10.192.233.595	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.214.228.905	125.096.214.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		410.562.141	410.562.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	410.562.141	410.562.141
II. Tài sản cố định	220		13.888.201.403	12.265.354.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	13.814.633.377	12.179.786.431
- Nguyên giá	222		36.523.365.426	33.545.714.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.708.732.049)	(21.365.928.140)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	73.568.026	85.568.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(206.431.974)	(194.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	75.000.000.000	105.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.000.000.000	115.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		918.308.628	2.423.140.700
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	918.308.628	2.423.140.700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.957.622.869.408	1.806.884.643.326

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.507.162.032.118	1.373.985.991.169
I. Nợ ngắn hạn	310		1.274.953.266.518	1.356.098.491.169
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	80.880.144.822	86.916.354.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	607.922.006.913	467.756.899.547
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	2.333.695.413	2.584.543.875
4. Phải trả người lao động	314		953.239.338	729.911.989
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.618.770.276	14.081.115.557
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	210.853.669.913	33.294.367.454
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	370.391.739.843	750.735.298.591
II. Nợ dài hạn	330		232.208.765.600	17.887.500.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	232.208.765.600	17.887.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.460.837.290	432.898.652.157
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	450.460.837.290	432.898.652.157
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.211.512.513	49.649.327.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.649.327.380	46.962.485.635
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17.562.185.133	2.686.841.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.957.622.869.408	1.806.884.643.326



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiện
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	246.895.315.915	255.344.168.734
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		246.895.315.915	255.344.168.734
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234.596.394.953	240.683.085.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.298.920.962	14.661.083.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.935.455.382	42.002.703.714
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.372.796.158	47.315.774.371
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.119.657.158	37.815.691.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.214.833.903	6.681.714.952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		7.646.746.283	2.666.297.991
11. Thu nhập khác	31		6.731.744	776.477.170
12. Chi phí khác	32	VI.6	297.003.623	3.248.180.842
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(290.271.879)	(2.471.703.672)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.356.474.404	194.594.319
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(10.205.710.729)	3.749.552.878
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		17.562.185.133	(3.554.958.559)



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.356.474.404	194.594.319
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.484.803.909	2.674.186.060
Các khoản dự phòng	03	950.519.145	8.548.538.731
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(35.941.819.018)	(42.657.249.214)
Chi phí lãi vay	06	33.119.657.158	37.815.691.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.969.635.598	6.575.761.636
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(46.726.598.422)	(91.172.196.089)
Tăng hàng tồn kho	10	(82.078.473.023)	(54.839.085.180)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	300.010.990.540	39.967.864.552
Giảm chi phí trả trước	12	(8.310.587.479)	4.901.484.686
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.353.775.241)	(35.487.463.207)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(282.530.613)	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(135.500.000)	(147.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	136.093.161.360	(135.200.633.602)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.107.650.855)	(134.773.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.113.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(685.930.137.204)	(363.780.617.346)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	685.504.572.638	494.913.149.476
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(63.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.684.820.848	52.939.371.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.151.605.427	125.650.767.158

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	447.449.334.343	462.335.330.069
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(613.471.627.491)	(469.675.114.121)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(2.230.661.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(166.022.293.148)	(9.570.445.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.222.473.639	(19.120.311.658)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.499.531.006	28.000.366.689
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	86.722.004.645	8.880.055.031



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII"). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 71,04%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 55 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Trong kỳ, Công ty đã giảm vốn góp trong Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, công ty con đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc giảm vốn điều lệ này (xem *Thuyết Minh V.5*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
		(%)	(%)	
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính riêng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí trả trước** (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết bên dưới*)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	512.231.904	7.169.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.209.772.741	74.492.361.927
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	86.722.004.645	79.499.531.006

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	11.697.436.634	27.745.381.657
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.093.616.144	19.715.924.193
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.417.001.326	2.890.141.274
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.166.121.724	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	545.001.250	4.663.620.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Đối tượng khác	80.927.601.432	96.448.861.785
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	37.811.724.478	37.609.753.109
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	13.395.976.141
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	10.683.373.802	10.683.373.802
Công ty Cổ phần Big Gate	5.033.168.799	5.033.168.799
Các đối tượng khác	14.003.358.212	29.726.589.934
Cộng	92.625.038.066	124.194.243.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	36.257.044.490	5.354.090.863
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	36.257.044.490	5.354.090.863
Đối tượng khác	131.161.645.120	98.480.840.428
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	51.702.931.071	55.898.872.497
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	13.690.878.527	10.890.878.527
Trả trước cho các đối tượng khác	65.767.835.522	31.691.089.404
Cộng	167.418.689.610	103.834.931.291

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	443.735.606.275	328.337.651.001
Công ty CII (i)	400.246.796.048	284.848.840.774
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (ii)	43.488.810.227	43.488.810.227
Đối tượng khác	133.651.307.131	126.641.943.155
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (iii)	76.787.610.160	74.808.994.476
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Sài Gòn		
(Trước đây là Công ty Cổ phần Teracons)	7.091.931.722	6.335.094.518
Các đối tượng khác	49.771.765.249	45.497.854.161
Cộng	577.386.913.406	454.979.594.156

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 302/2018/HĐ-CII ngày 2 tháng 7 năm 2018 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 500 tỷ đồng và lãi suất lần lượt là 10%/năm và 8,5%/năm.

(ii) Khoản hỗ trợ tài chính cho công ty con theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với thời hạn 1 năm kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 5%/năm và không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng và là nhà cung cấp vật tư cho nhiều khách hàng cũng là nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình của Công ty. Công ty cam kết sẽ thực hiện bù trừ công nợ ba bên giữa Công ty, công ty con và nhà thầu phụ và đảm bảo không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

(iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên ("Lâm Viên") vay tiền bằng cách sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành ("Việt Thành") với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 76.647.549.542 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	199.401.962.994	195.544.741.474
Phải thu về thoái vốn ở công ty con (i)	30.000.000.000	-
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	12.669.565.484	19.112.699.988
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	8.270.540.154	8.558.525.800
Ký cược, ký quỹ	4.226.069.319	288.223.999
Các khoản chi hộ	3.710.952.820	6.778.769.409
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Phải thu người lao động	497.476.665	820.409.787
Các khoản phải thu khác	1.282.136.159	1.146.636.159
	260.770.576.334	232.961.879.355
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	410.562.141	410.562.141
	410.562.141	410.562.141
Cộng	261.181.138.475	233.372.441.496
Trong đó, phải thu các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	30.983.951.542	1.271.937.188
Phải thu về thoái vốn (i)	30.000.000.000	-
Phải thu lợi nhuận chuyển về	983.951.542	1.271.937.188
Phải thu lãi cho vay Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	2.760.331.426	1.661.030.946
Phải thu lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	7.733.333.334
Phải thu lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII	-	3.721.511.754
Cộng phải thu các bên liên quan	33.744.282.968	14.387.813.222

(i) Ngày 6 tháng 3 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/HĐQT về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Phần vốn điều lệ đã góp sẽ được công ty con hoàn trả lại cho Công ty. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, công ty con đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc giảm vốn điều lệ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.035.658.895	-	(3.035.658.895)	2.501.065.131	-	(2.501.065.131)
Trả trước cho nhà cung cấp	970.793.497	60.865.745	(909.927.752)	787.642.437	60.498.669	(727.143.768)
Phải thu ngắn hạn khác	21.233.865.600	10.094.807.812	(11.139.057.788)	30.604.467.452	19.698.551.061	(10.905.916.391)
Cộng	25.240.317.992	10.155.673.557	(15.084.644.435)	33.893.175.020	19.759.049.730	(14.134.125.290)

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	25.388.721.585	-	25.388.721.585	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	612.742.093.140	-	530.665.455.117	-
Hàng hóa	18.132.327.734	-	18.130.492.734	-
Cộng	656.263.142.459	-	574.184.669.436	-

Chi tiết các công trình thi công dở dang:

Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội	259.277.098.852	-	262.324.171.410	-
Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	261.341.852.788	-	183.803.300.694	-
Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm	34.066.860.902	-	31.696.734.031	-
Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2	10.937.623.713	-	8.399.926.986	-
Các công trình khác	47.118.656.885	-	44.441.321.996	-
Cộng	612.742.093.140	-	530.665.455.117	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo lãnh thi công các công trình xây dựng	4.042.173.741	-
Phí môi giới	4.089.366.000	-
Phí cam kết rút vốn	2.000.000.000	250.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.915.909	-
Các khoản chi phí khác	55.869.971	166.906.070
	10.232.325.621	416.906.070
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	276.048.681	625.404.061
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng	196.997.879	237.756.061
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	-	754.672.833
Chi phí khác chờ phân bổ	445.262.068	805.307.745
	918.308.628	2.423.140.700
Cộng	11.150.634.249	2.840.046.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	23.985.413.548	8.764.001.023	796.300.000	33.545.714.571
Mua trong kỳ	854.545.455	2.253.105.400	-	3.107.650.855
Thanh lý, nhượng bán	(130.000.000)	-	-	(130.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	24.709.959.003	11.017.106.423	796.300.000	36.523.365.426
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	15.901.907.354	4.840.088.283	623.932.503	21.365.928.140
Khấu hao trong kỳ	886.249.519	559.599.390	26.955.000	1.472.803.909
Thanh lý, nhượng bán	(130.000.000)	-	-	(130.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	16.658.156.873	5.399.687.673	650.887.503	22.708.732.049
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	8.083.506.194	3.923.912.740	172.367.497	12.179.786.431
Tại ngày 30/06/2020	8.051.802.130	5.617.418.750	145.412.497	13.814.633.377

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 10.632.797.931 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 10.762.797.931 đồng).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt là 7.322.501.338 đồng và 2.883.668.876 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 lần lượt là 7.322.501.338 đồng và 3.191.072.285 đồng) (xem thêm tại thuyết minh số V.18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2020	280.000.000
Tại ngày 30/06/2020	280.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2020	194.431.974
Khấu hao trong kỳ	12.000.000
Tại ngày 30/06/2020	206.431.974
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2020	85.568.026
Tại ngày 30/06/2020	73.568.026

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 160.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	<u>5.836.987.368</u>
Giá trị hao mòn lũy kế Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	<u>839.830.635</u>
Giá trị còn lại Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	<u>4.997.156.733</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.18*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và cùng vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	75.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)
Cộng	85.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)	115.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Bên liên quan	8.702.143.101	8.702.143.101	10.700.124.601	10.700.124.601
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	3.153.952.001	3.153.952.001	5.151.933.501	5.151.933.501
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	548.191.100	548.191.100	548.191.100	548.191.100
Đối tượng khác	72.178.001.721	72.178.001.721	76.216.229.555	76.216.229.555
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	20.125.996.290	20.125.996.290	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	754.695.629	754.695.629	10.012.726.949	10.012.726.949
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	-	-	11.139.458.064	11.139.458.064
Các đối tượng khác	51.297.309.802	51.297.309.802	55.064.044.542	55.064.044.542
Cộng	80.880.144.822	80.880.144.822	86.916.354.156	86.916.354.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Bên liên quan	592.261.498.390	467.337.072.605
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	364.014.156.093	272.267.900.969
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	203.722.968.993	150.905.458.937
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	13.445.460.864	13.445.460.864
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	10.716.564.548	25.755.315.918
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	4.600.588.025
Đối tượng khác	15.660.508.523	419.826.942
Cộng	607.922.006.913	467.756.899.547

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2020 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	(9.909.702.982)	282.530.613	10.192.233.595
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	563.790.602	2.587.310.068	2.587.310.068	563.790.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	296.007.747	(296.007.747)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.724.745.526	742.090.102	696.930.817	1.769.904.811
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản khác	-	297.003.720	297.003.720	-
Cộng	2.584.543.875	3.333.396.143	3.584.244.605	2.333.695.413

(i) Trong kỳ, Công ty xác định lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm 2017, 2018 theo ND 68/2020/ND-CP và thực hiện giảm trừ vào số thuế phải đóng kỳ này (xem chi tiết thuyết minh VI.7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.618.770.276	1.975.031.551
Trích trước chi phí công trình	-	12.106.084.006
Cộng	1.618.770.276	14.081.115.557

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng (i)	178.971.590.000	-
Các khoản thu hộ	27.058.911.229	27.568.702.172
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	2.217.144.173	3.491.685.868
Phải trả chi phí sử dụng vốn	1.492.835.555	1.254.111.110
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Các khoản phải trả khác	703.188.956	569.868.304
Cộng	210.853.669.913	33.294.367.454

Trong đó, phải trả các bên liên quan:

Lãi vay phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.423.391.111	1.184.666.666
---	---------------	---------------

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay bên liên quan (i)	39.126.027.398	39.126.027.398	38.126.027.398	7.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	167.134.866.049	167.134.866.049	200.354.509.949	245.616.676.491	212.397.032.591	212.397.032.591
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	100.000.000.000	100.000.000.000	150.000.000.000	200.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	24.920.686.396	24.920.686.396	24.920.686.396	-	-	-
Các khoản vay của các cá nhân	-	-	-	125.901.690.000	125.901.690.000	125.901.690.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	39.210.160.000	39.210.160.000	-	-	254.436.576.000	254.436.576.000
Cộng	370.391.739.843	370.391.739.843	413.401.223.743	578.518.366.491	750.735.298.591	750.735.298.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay của các cá nhân	271.418.925.600	271.418.925.600	34.048.110.600	34.953.261.000	272.324.076.000	272.324.076.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(39.210.160.000)	(39.210.160.000)	-	-	(254.436.576.000)	(254.436.576.000)
Cộng	232.208.765.600	232.208.765.600	34.048.110.600	34.953.261.000	17.887.500.000	17.887.500.000
Tổng	602.600.505.443	602.600.505.443			768.622.798.591	768.622.798.591
(i) Chi tiết số dư nợ vay các bên liên quan:						
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	7.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	38.126.027.398	38.126.027.398	38.126.027.398	-	-	-
Cộng	39.126.027.398	39.126.027.398	38.126.027.398	7.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	167.134.866.049	8 tháng	8,35% - 9%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 1.500.000 cổ phiếu NBB do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Xe xúc lật bánh lốp, hiệu Kawasaki 90ZA, số khung: RG1 - 5016, xuất xứ Nhật Bản. 15.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	100.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	24.920.686.396	12 tháng	9,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia và Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng cho thuê hiện hữu và trong tương lai tại tòa nhà Lữ Gia Plaza do Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia làm chủ đầu tư.
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	38.126.027.398	11 tháng	10,0%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.	Vay tín chấp.
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.000.000.000	12 tháng	9,2%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng Quốc lộ 60, tỉnh Bến Tre.	Vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo):

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Dài hạn</u>					
Các khoản vay của các cá nhân	271.418.925.600	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	39.210.160.000	254.436.576.000
Trong năm thứ hai	232.208.765.600	17.887.500.000
	271.418.925.600	272.324.076.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(39.210.160.000)	(254.436.576.000)
Số phải trả sau 12 tháng	232.208.765.600	17.887.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(3.554.958.559)	(3.554.958.559)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(251.089.392)	(251.089.392)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	209.241.160	(209.241.160)	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	43.407.527.076	426.656.851.853
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.241.800.304	6.241.800.304
Tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	49.649.327.380	432.898.652.157
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	17.562.185.133	17.562.185.133
Tại ngày 30/06/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	67.211.512.513	450.460.837.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22 tháng 4 năm 2020, Công ty không chia cổ tức, toàn bộ lợi nhuận của năm 2019 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	245.313.116.978	194.737.205.908
Doanh thu bán hàng	-	54.992.615.230
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.582.198.937	5.614.347.596
Cộng	246.895.315.915	255.344.168.734

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương		
- Mỹ Thuận	202.971.500.259	72.138.517.273
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	14.002.566.793	27.394.860.081
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	10.741.731.963	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.583.312.540	67.661.872.063
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	8.055.836.562	16.436.945.391
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	958.168.861	6.017.165.895
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	636.363.637	694.690.908
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	667.363.636
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	(683.458.382)
Cộng	245.949.480.615	190.327.956.865

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	233.441.499.627	186.187.007.955
Giá vốn hàng đã bán	-	53.081.742.909
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.154.895.326	1.414.334.270
Cộng	234.596.394.953	240.683.085.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi trái phiếu	35.042.059.778	30.907.582.352
Cổ tức, lợi nhuận được chia	893.395.604	11.095.121.362
Cộng	35.935.455.382	42.002.703.714

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với bên liên quan:

Cổ tức, lợi nhuận được chia	893.395.604	469.533.689
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	893.395.604	469.533.689

Lãi tiền cho vay và lãi trái phiếu

Lãi tiền cho vay và lãi trái phiếu	28.561.019.859	21.505.111.084
Công ty CII	22.386.198.314	13.225.549.228
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	2.038.356.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.037.164.901	6.033.333.333
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	1.099.300.480	1.884.825.240
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	361.403.283
Cộng	29.454.415.463	21.974.644.773

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.119.657.158	37.815.691.740
Phí cam kết rút vốn vay	1.250.000.000	1.250.000.000
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	8.246.082.631
Chi phí tài chính khác	3.139.000	4.000.000
Cộng	34.372.796.158	47.315.774.371

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với bên liên quan:

Chi phí lãi vay Công ty CII	7.660.054.794	717.216.184
Chi phí lãi vay Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	238.724.445	577.402.778
Chi phí lãi vay Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	164.383.562	-
Chi phí lãi vay Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	144.842.466	-
Chi phí lãi vay Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	1.978.592.196
Cộng	8.208.005.267	3.273.211.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.549.700.262	3.341.356.049
Chi phí đồ dùng văn phòng	438.827.022	448.004.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.115.789	420.442.822
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	950.519.145	302.456.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.647.723.466	1.618.994.145
Chi phí bằng tiền khác	107.948.219	547.461.079
Cộng	6.214.833.903	6.681.714.952

6. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	297.003.623	16.035.000
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng	-	3.107.504.384
Các khoản chi phí khác	-	124.641.458
Cộng	297.003.623	3.248.180.842

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.356.474.404	194.594.319
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(893.395.604)	(11.095.121.362)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.389.585.266	29.648.291.433
Thu nhập chịu thuế	7.852.664.066	18.747.764.390
Lỗi tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	7.852.664.066	18.747.764.390
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.570.532.813	3.749.552.878
Thuế TNDN năm trước bổ sung	282.530.613	-
Thuế TNDN năm trước điều chỉnh giảm (i)	(12.058.774.155)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.205.710.729)	3.749.552.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH** (tiếp theo)

(i) Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Chính Phủ đã công bố NĐ 68/2020/NĐ-CP ("NĐ 68") sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. NĐ 68 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019, trong đó cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017 và 2018. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 68 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 68 đã làm cho số thuế phải nộp trong các năm 2017 và 2018 giảm đi số tiền là 12.058.774.155 đồng và đã được Công ty ghi nhận giảm trừ vào số thuế năm nay.

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	74.162.690.789	91.130.084.680
Chi phí nhân công	7.434.360.789	8.860.671.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.082.280.324	2.674.186.060
Chi phí dự phòng	950.519.145	302.456.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.710.855.947	142.629.837.384
Chi phí bằng tiền khác	7.470.521.862	1.767.564.025
Cộng	240.811.228.856	247.364.800.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Công ty CII		
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	1.363.462.700.000	319.549.994.306
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	399.176.409.430	310.092.855.460
Nhận tiền hỗ trợ vốn	859.300.000.000	329.900.000.000
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	302.872.947.317
Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn	12.273.590.570	13.207.144.540
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	-	577.058.377
Cần trừ vốn hợp tác kinh doanh - nợ gốc	853.125.935.296	24.027.052.683
Cần trừ vốn hợp tác kinh doanh - tiền lãi	13.834.119.498	3.128.825.280
Cần trừ công nợ phải thu về hợp tác đầu tư với bên thứ 3	4.237.600.000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG		
Thanh toán hộ và cần trừ vào công nợ phải trả Công ty VLXD	2.697.370.420	-
Chuyển công nợ phải trả người bán cho Công ty VLXD sang phải trả đối tượng khác	697.370.420	36.947.258.170
Thanh toán tiền mua hàng trong kỳ	-	138.547.724.717
Nhập kho vật tư trong kỳ	1.835.000	1.854.146.409
Nhận lại tiền mua hàng trong kỳ	-	104.850.000.000
Chuyển công nợ phải thu về cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	-	63.325.189.773
Chuyển công nợ phải thu tiền lợi nhuận và lãi cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	-	4.786.361.099
Chuyển công nợ phải thu khách hàng sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	-	1.395.088.017
Chuyển công nợ ứng trước tiền mua vật tư cho VLXD sang phải thu khách hàng của các đối tượng khác	-	8.378.399.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Thu tiền thi công bốc tăng phủ, thi công công trình và cho thuê thiết bị	47.318.618.750	1.022.500.000
Chi phí thi công dự án Sơn Tịnh	10.542.769.430	-
Thu tiền từ lợi nhuận được chia	1.181.381.250	3.731.955.204
Góp vốn trong kỳ	-	63.400.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	28.912.262.655
Thu tiền lãi cho vay	-	1.833.089.597
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Bán trái phiếu trước hạn	120.000.000.000	-
Thu lãi trái phiếu trong kỳ	9.643.055.556	12.000.000.000
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	61.678.930.273	-
Thu lãi hợp tác đầu tư trong kỳ	1.127.442.679	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	100.000.000.000	-
Cần trừ công nợ phải trả với gốc và lãi cho vay trong kỳ	62.038.356.164	-
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	364.072.103	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT741	2.527.125.695	12.993.740.030
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	21.063.951.842	52.815.219.833
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	5.406.891.332	30.560.796.571
Chuyển trả lại tiền vay trong kỳ	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	-	17.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong kỳ	-	88.697.222
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bày		
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	117.353.846.935	-
Tiền tạm ứng thi công chuyển trả trong kỳ	111.304.651.525	-
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	9.500.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong kỳ	9.500.000.000	-
Lãi vay đã trả trong kỳ	144.842.466	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	315.778.802.411	20.000.000.000
Tiền hoàn tạm ứng thi công dự án trong kỳ	763.897.000	-
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	-	25.000.000.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	-	1.978.592.196
Cần trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	-	130.980.409.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	716.023.933	402.496.000

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Số tiền vay thực nhận trong kỳ		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	409.323.306.945	418.356.737.873
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	38.126.027.398	43.978.592.196
Cộng	447.449.334.343	462.335.330.069
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	606.471.627.491	322.614.704.221
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	7.000.000.000	147.060.409.900
Cộng	613.471.627.491	469.675.114.121

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.


Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểuBùi Xuân Phước
Kế toán trưởngPhùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020